

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/DS-ST

Ngày: 22-01-2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Mộng Linh

2. Ông Nguyễn Văn Tường

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 420/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số: 07/QĐST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Mỹ L sinh năm: 1982.

Địa chỉ: đường D1 khu phố X, phường Y, quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: ấp A, xã A, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Chị L ủy quyền cho Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp Q, xã Q, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia tố tụng (văn bản ủy quyền ngày 02/10/2023).

2. Bị đơn: Ông Mai Văn S, sinh năm: 1966; bà Hồ Thị R, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

(Chị Ng, ông S, bà R có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án đại diện nguyên đơn trình bày:

Từ tháng 9/2020 ông Mai Văn S và bà Hồ Thị R có mua thức ăn chăn nuôi tôm và vật tư, thuốc thủy sản của bà Phan Thị Mỹ L, hai bên thỏa thuận bên bán trước, sau đó bên mua thu hoạch tôm sẽ trả nợ. Đến ngày 16/11/2022 hai bên lập bảng chi tiết công nợ thì ông S, bà R còn thiếu số tiền 146.350.300 đồng.

Nay, bà Phan Thị Mỹ L yêu cầu ông Mai Văn S và bà Hồ Thị R có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 146.350.300 đồng và tính lãi từ ngày 16/11/2022 đến ngày 02/10/2023 với mức lãi suất 0,83%/tháng là 12.997.370 đồng. Tổng cộng là 159.347.670 đồng.

Theo biên bản hòa giải bà Hồ Thị R trình bày:

Tôi thừa nhận tôi còn nợ bà L tổng số tiền tính đến ngày 16/11/2022 là 146.350.300 đồng và đồng ý trả phần lãi tổng cộng là 159.347.670 đồng, do có khó khăn nên không thể trả theo thỏa thuận nay xin trả dần số tiền trên và xin Tòa án cho tôi về thỏa thuận lại với chồng tôi là ông Mai Văn S và sẽ trình bày cụ thể tại tòa lần sau.

Theo biên bản khai ông Mai Văn S trình bày:

Vợ chồng tôi có mua thức ăn của đại lý Phan Thị Mỹ L, do nuôi tôm thất bại nên vợ chồng tôi có nợ lại bà Phan Thị Mỹ L số tiền gốc là 146.350.300 đồng và tiền lãi là 12.997.370 đồng. Tổng cộng là 159.347.670 đồng, vợ chồng đồng ý trả số tiền trên cho bà L nhưng do hoàn cảnh khó khăn, sức khỏe yếu nên không thể trả hết số tiền này 01 lần. Nay xin bà L cho vợ chồng tôi được trả dần số tiền này hàng tháng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

1.2 Bị đơn có nơi cư trú tại xã A, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú thụ lý đúng thẩm quyền.

1.3 Quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn và bị đơn ông Mai Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt, bà R vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung:

2.1 Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền là 159.347.670 đồng. Bao gồm tiền gốc 146.350.300 đồng và tiền lãi là 12.997.370 đồng. Tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bảng chi tiết và xác nhận công nợ ngày 16/11/2022 cuối trang có chữ ký và ghi họ tên của bên bán hàng và bên mua hàng. Quá trình giải quyết vụ án ông S, bà R cũng thừa nhận số tiền còn nợ như trên.

Do đó, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2.2 Tại bản khai, biên bản hòa giải ông S, bà R trình bày do nuôi tôm thất bại và hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không thể trả số tiền này cho nguyên đơn được. Đồng thời xin trả dần số nợ này mỗi tháng là hai triệu đồng nhưng không được nguyên đơn đồng ý nên hòa giải không thành.

Xét về yêu cầu xin trả dần của bị đơn: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông S, bà R phải trả một lần bằng tiền mặt trong vòng 15 ngày kể từ ngày hòa giải. Do đó, yêu cầu xin trả dần của bị đơn đã không được phía nguyên đơn đồng ý nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, cần buộc ông Mai Văn S và bà Hồ Thị R có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Thị Mỹ L số tiền còn thiếu là 159.347.670 đồng là phù hợp.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn có nghĩa vụ nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 430, 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 92 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 27, 37 Luật hôn nhân gia đình 2014;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Mỹ L đối với ông Mai Văn S và bà Hồ Thị R.

Buộc ông Mai Văn S và bà Hồ Thị R có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Thị Mỹ L số tiền là 159.347.670 (Một trăm năm mươi chín triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi) đồng.

Kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 7.967.000 (Bảy triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng, ông Mai Văn S và bà Hồ Thị R có nghĩa vụ liên đới nộp. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho bà Phan Thị Mỹ L số tiền 3.983.691 (Ba triệu chín trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi một) đồng theo biên lai số 0000240 ngày 10/10/2023.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Phú.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- CCTHADS huyện Thanh Phú.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Trí